TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2022/DS-ST
Ngày: 29-4-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Anh Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Bé;

2. Bà Phạm Thị Ngọc.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Như Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 304/2021/TLST-DSST ngày 16 tháng 11 năm 2021 về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 03 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 119/2022/QĐST-ST ngày 04 tháng 04 năm 2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (viết tắt là A Bank); địa chỉ trụ sở chính: Số 130 Phan Đăng L, Phường 03, quận Ph, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T, chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị A Bank.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc A, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Đ – Chi nhánh C – A Bank. (Văn bản ủy quyền số 534/QĐ-DAB-PC ngày 10/5/2019)

Bà Nguyễn Ngọc A ủy quyền lại cho bên thứ ba: Bà Liêu Thanh H, chức vụ: Nhân viên phát triển Kinh doanh – Khách hàng cá nhân Phòng giao dịch Đ – Chi nhánh C – A Bank; địa chỉ: Số 1376, Tỉnh lộ 8, Ấp 12. xã Đ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền số: 01/QĐ-DAB-TGĐ ngày 25/7/2019) (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Võ Thị N, sinh năm: 1957; địa chỉ: Tổ 8, Ấp 5, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn T1, sinh năm: 1990; địa chỉ: Tổ 3, Ấp 5, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 16/3/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Liêu Thanh H trình bày:

Ngày 11/9/2014, A Bank và bà Võ Thị N có ký Giấy đề nghị chi vay góp qua tài khoản thẻ đợt vay 0135176901T14003, để thỏa thuận cho bà N vay số tiền là 5.000.000đ. Hai bên thỏa thuận: Thời hạn vay 12 tháng; lãi suất cho vay là 9%/năm; lãi suất quá hạn là 13.5%/năm; mục đích vay tiêu dùng; hình thức thanh toán trả góp hàng tháng; biện pháp đảm bảo là cam kết thanh toán vốn và lãi đúng hạn theo quy định của A Bank (tín chấp). Bà N đã nhận đủ tiền vay 5.000.000đ. Trong quá trình vay, từ ngày 11/9/2014 đến ngày 05/8/2015 bà Võ Thị N đã chi trả được tổng số tiền như sau: Nợ gốc: 1.577.692đ, lãi trong hạn: 242.308đ, lãi quá hạn: 0đ, tổng cộng: 1.820.000đ. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A Bank, bà Võ Thị N không thanh toán vốn và lãi đúng thời hạn, liên lục chậm thanh toán dù A Bank đã nhiều lần gọi điện, đến gặp trực tiếp và gửi thư nhắc nợ. Bà Võ Thị N đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ và không hợp tác trong việc giải quyết số nợ nêu trên gây thiệt hại cho A Bank.

Tính đến ngày 29/4/2022 bà N đã chậm thanh toán 08 kỳ với số tiền chậm thanh toán 7.311.118đ, trong đó: Nợ gốc là 3.422.308đ, lãi trong hạn là 207.692đ, lãi quá hạn là 3.681.118đ. Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần A khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị N có nghĩa vụ thanh toán số tiền tổng cộng là 7.311.118đ, yêu cầu trả một lần số tiền trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Yêu cầu bà N phải thanh toán cho A Bank số tiền lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn hiện hành của A Bank căn cứ vào Giấy đề nghị chi vay góp qua tài khoản thẻ đợt vay 0135176901T14003 đã ký kết ngày 11/9/2014 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ.

Các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của mình gồm: Điều lệ tổ chức và hoạt động; giấy căn cước công dân và quyết định ủy quyền; quyết định tái bổ nhiệm, quyết định ủy quyền, quyết định thay đổi người đại diện theo pháp luật, quyết định bổ nhiệm tổng giám đốc, giấy phép hoạt động, giấy phép thành lập, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, sổ hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân của bà N, ông T1, giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ (bản sao y); Đơn khởi kiện, bản tự khai (bản chính).

Bị đơn bà Võ Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T đã được Tòa án tống đạt: Thông báo thụ lý; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo Kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đến tham dự phiên tòa xét xử đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà N và ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng dân sự thuộc loại tranh chấp chấp hợp đồng tín dụng được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã H, huyện Củ Chi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

[1.2] Bị đơn bà Võ Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; căn cứ vào điểm

b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà N và ông T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn A Bank khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị N có trách nhiệm trả số tiền tổng cộng là 7.311.118đ (trong đó nợ gốc là 3.422.308đ, lãi trong hạn là 207.692đ, lãi quá hạn là 3.681.118đ), yêu cầu trả một lần số tiền trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Yêu cầu bà N phải thanh toán cho A Bank tiền lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn hiện hành của A Bank căn cứ vào Giấy đề nghị chi vay góp qua tài khoản thẻ đợt vay 0135176901T14003 đã ký kết ngày 11/9/2014 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định: Ngày 11/9/2014, A Bank với bà Võ Thị N có ký Giấy đề nghị chi vay góp qua tài khoản thẻ đợt vay 0135176901T14003 cho bà N vay số tiền 5.000000đ. Hai bên thỏa thuận: Thời hạn vay 12 tháng; lãi suất cho vay là 9%/năm; lãi suất quá hạn là 13.5%/năm; mục đích vay tiêu dùng; hình thức thanh toán trả góp hàng tháng; biện pháp đảm bảo là cam kết thanh toán vốn và lãi đúng hạn theo quy định của A Bank (tín chấp). Bà N đã nhận đủ tiền vay 5.000.000đ. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A Bank, bà Võ Thị N không thanh toán vốn và lãi đúng thời hạn, liên lục chậm thanh toán dù A Bank đã nhiều lần gọi điện, đến gặp trực tiếp và gửi thư nhắc nợ. Tính đến ngày 29/4/2022 bà N đã chậm thanh toán 08 kỳ với tổng số tiền chậm thanh toán 7.311.118đ, trong đó: Nợ gốc là 3.422.308đ, lãi trong hạn là 207.692đ, lãi quá hạn là 3.681.118đ là có thật. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét trong quá trình giải quyết vụ án, bà N và ông T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ chứng minh có liên quan đến vụ án. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ông T căn cứ theo các tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Tại phiên tòa hôm nay, phía nguyên đơn yêu cầu bà N phải thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn hiện hành của A Bank căn cứ vào Giấy đề nghị chi vay góp qua tài khoản thẻ đợt vay 0135176901T14003 đã ký kết từ ngày 11/9/2014 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào khoản 2 Điều 91, khoản 1 và khoản 4 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo quyết định số 7698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao; Điều 7, khoản 1 Điều 8 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, lãi phạt vi phạm. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, phải buộc bà Võ Thị N trả cho nguyên đơn số tiền là 7.311.118đ, trong đó: Nợ gốc là 3.422.308đ, lãi trong hạn là 207.692đ, lãi quá hạn là 3.681.118đ. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị chi vay góp qua tài khoản thẻ đợt vay 0135176901T14003 ngày 11/9/2014 đã thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Giấy đề nghị chi vay góp qua tài khoản thẻ đợt vay 0135176901T14003 ngày 11/9/2014, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán

cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[2.3] Bà N thuộc trường hợp miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009 và điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, khoản 1 và khoản 4 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào Án lệ số: 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số: 7698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao;

- Căn cứ vào Nghị quyết: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, lãi phạt vi phạm;

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A đối với bà Võ Thị N.

Buộc bà Võ Thị N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phân A tổng cộng số tiền là 7.311.118đ (bảy triệu ba trăm mười một nghìn một trăm mười tám đồng), trong đó: Nợ gốc là 3.422.308đ, lãi trong hạn là 207.692đ, lãi quá hạn là 3.681.118đ; trả một lần số tiền trên ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Giấy đề nghị chi vay góp qua tài khoản thẻ đợt vay 0135176901T14003 ngày 11/9/2014, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2021/0043295 ngày 16/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án

dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2014.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Anh Đạt